

UBND PHƯỜNG BẮC KẠN

Mẫu biểu số 54

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ III NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 09/10/2026 của UBND phường Bắc Kạn)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước Quý III so sánh (%)	
			Quý III	Lũy kế 9 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	I	2	3	4=3/I	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	103.600.000.000	18.791.000.000	91.517.000.000	88%	
I	Thu nội địa	103.600.000.000	18.791.000.000	91.517.000.000	88%	
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu viện trợ					
V	Các khoản huy động, đóng góp					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	222.202.000.000	97.379.899.707	237.788.737.915	107%	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	77.731.000.000	34.103.281.000	67.936.852.000	87%	
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	51.561.000.000	15.079.058.000	33.931.800.000	66%	
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	26.170.000.000	19.024.223.000	34.005.052.000	130%	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	144.471.000.000	26.617.377.000	120.312.124.000	83%	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	76.113.000.000	10.964.987.000	62.246.287.000	82%	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	68.358.000.000	15.652.390.000	58.065.837.000	85%	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư			12.880.520.208		
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		36.659.241.707	36.659.241.707		
C	TỔNG CHI NSDP	222.202.000.000	78.685.977.702	176.431.000.000	79%	
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	153.844.000.000	59.211.808.702	127.713.331.000	83%	
1	Chi đầu tư phát triển	22.145.000.000	21.549.000.000	34.913.000.000	158%	
2	Chi thường xuyên	127.872.000.000	37.662.808.702	92.800.331.000	73%	
3	Chi cho vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi trả nợ lãi					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN	3.827.000.000				
8	Các nhiệm vụ chi khác					
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	10.671.000.000	4.318.769.000	8.336.769.000	78%	

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước Quý III so sánh (%)	
			Quý III	Lũy kế 9 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=3/I</i>	<i>5</i>
III	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS tỉnh cho NSDP	57.687.000.000	15.155.400.000	40.380.900.000	70%	
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ III NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 09/10/2026 của UBND phường Bắc Kạn)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước Quý III so sánh (%)	
			Quý III	Lũy kế 9 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=3/I</i>	<i>5</i>
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	103.600.000.000	18.791.000.000	91.517.000.000	88%	
I	Thu nội địa	103.600.000.000	18.791.000.000	91.517.000.000	88%	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	224.000.000	279.000.000	1.127.000.000	503%	
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN		0			
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	30.900.000.000	7.032.000.000	27.452.000.000	89%	
4	Thuế thu nhập cá nhân	8.100.000.000	2.321.000.000	6.919.000.000	85%	
5	Thuế bảo vệ môi trường		0			
6	Lệ phí trước bạ	12.175.000.000	3.525.000.000	11.827.000.000	97%	
	- Từ đất	12.175.000.000	3.525.000.000	11.827.000.000	97%	
7	Các loại phí, lệ phí	2.780.000.000	583.000.000	1.373.000.000	49%	
8	Các khoản thu về nhà, đất	46.851.000.000	3.721.000.000	40.375.000.000	86%	
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		0			
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	386.000.000	125.000.000	257.000.000	67%	
-	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	3.465.000.000	190.000.000	1.884.000.000	5,48%	
-	Thu tiền sử dụng đất	43.000.000.000	3.406.000.000	38.234.000.000	89%	
-	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN		0			
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển		0			
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
10	Thu từ hoạt động xổ số		0			
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển			19.000.000		
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước		0			

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước Quý III so sánh (%)	
			Quý III	Lũy kế 9 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=3/I</i>	<i>5</i>
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác		0			
14	Thu khác ngân sách	2.570.000.000	1.330.000.000	2.425.000.000	94%	
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu viện trợ					
V	Các khoản huy động, đóng góp					
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác					
1	Thuế GTGT					
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	77.731.000.000	34.103.281.000	67.936.852.000	87%	
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP	51.561.000.000	15.079.058.000	33.931.800.000	66%	
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	26.170.000.000	19.024.223.000	34.005.052.000	130%	

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ III NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 09/10/2026 của UBND phường Bắc Kạn)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước Quý III so sánh (%)	
			Quý III	Lũy kế 9 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=3/I</i>	<i>5</i>
	TỔNG CHI NSDP	222.202.000.000	78.685.977.702	176.431.000.000	79%	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	153.844.000.000	59.211.808.702	127.713.331.000	83%	
I	Chi đầu tư phát triển	22.145.000.000	21.549.000.000	34.913.000.000	158%	
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	22.145.000.000	21.549.000.000	34.913.000.000		
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	Chi trả nợ lãi					
III	Chi thường xuyên	127.872.000.000	37.662.808.702	92.800.331.000	73%	
	<i>Trong đó:</i>					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	82.710.000.000	20.462.609.000	64.513.702.000		
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	790.000.000	462.414.000	462.414.000		
IV	Chi cho vay					
V	Chi viện trợ					
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	3.827.000.000				
VIII	Chi cải cách tiền lương, tính giản biên chế					
IX	Các nhiệm vụ chi khác					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	10.671.000.000	4.318.769.000	8.336.769.000	78%	
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án	271.000.000	224.700.000	224.700.000		
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách	10.400.000.000	3.742.250.000	7.760.250.000		
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia		351.819.000	351.819.000		
C	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NS TỈNH CHO NSDP	57.687.000.000	15.155.400.000	40.380.900.000	70%	

UBND PHƯỜNG BẮC KẠN

Mẫu biểu số 56.2

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO ĐỊA PHƯƠNG VÀ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 09/10/2026 của UBND phường Bắc Kạn)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự phòng ngân sách địa phương			Dự phòng ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương			Quỹ dự trữ tài chính		
		Dự toán HĐND quyết định	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại	Số NSTW bổ sung	Số đã phân bổ	Còn lại	Số dư đầu năm	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại
A	B	1	2	3=1-2	4	5	6=4-5	7	8	9=7-8
	Tổng số	3.827.000.000	60.000.000	3.767.000.000						
1	Chi đầu tư phát triển									
2	Chi thường xuyên	3.827.000.000	60.000.000	3.767.000.000						

KẾT QUẢ PHÂN BỐ SỬ DỤNG SỐ TĂNG THU SO VỚI DỰ TOÁN, DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 09/10/2026 của UBND phường Bắc Kạn)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Số tăng thu so với dự toán	Dự toán chi còn lại
A	B	$1=2+3$	2	3
	Tổng số	Không có		
1	Giảm bội chi, tăng chi trả nợ			
2	Bổ sung tăng dự phòng ngân sách và quỹ dự trữ tài chính			
3	Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương			
4	Chi đầu tư một số dự án quan trọng			
5	Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội			
6	Thưởng vượt dự toán thu hoặc hỗ trợ ngân sách cấp dưới hụt thu			